TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 7 – 2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Sang

Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Ngọc H, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Đ (Huỳnh Văn Đang), sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trương Văn Â, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Ấp Vàm Sáng, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn Đ (Đ) tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Minh, tỉnh

Kiên Giang. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cải vã, nhiều lần được cha mẹ hai bên khuyên ngăn, hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân nhau. Chị H xác định chị với anh Đ không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị H xác định trong thời gian chung sống chị và anh Đ có 02 người con tên Huỳnh Tấn A sinh ngày 27/3/2005 và Huỳnh Thị Anh Th sinh ngày 27/5/2009. Hiện cháu A đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Th do chị đang nuôi dạy. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th; vấn đề cấp dưỡng cho con không đặt ra.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị H xác định vợ chồng có mượn nợ của ông Trương Văn Â số tiền 25.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K. Khi ly hôn yêu cầu vợ chồng cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông Â.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Huỳnh Văn Đ nhưng anh Đ không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không tham gia hòa giải và xét xử.

* Tại Bản tự khai đề ngày 19/4/2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Â trình bày: Vợ chồng chị H và anh Đ có mượn nợ của ông số tiền 25.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K đúng như yêu cầu của chị H đặt ra khi ly hôn. Ông Â xác định sẽ tự thỏa thuận với chị H, anh Đ về nghĩa vụ thanh toán nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn giữa chị H với anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn Đ (Đang) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ; đối với ông Trương Văn Â là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên Tòa án không triệu tập.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Ngọc H và anh Huỳnh Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2004. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh Đ được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cải vã, nhiều lần được cha mẹ hai bên khuyên ngăn, hàn gắn nhưng vợ chồng chung sống vẫn không hạnh phúc và đã ly thân nhau. Tại phiên tòa chị H xác

định không còn tình cảm với anh Đ và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Đ; đối với anh Đ, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị H nhưng anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H, điều này cho thấy anh Đ đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị H với anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh Đ có 02 người con tên Huỳnh Tấn A sinh ngày 27/3/2005 và Huỳnh Thị Anh Th sinh ngày 27/5/2009. Hiện cháu A đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét; đối với cháu Th do chị H đang nuôi dạy. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th; đối với anh Đ không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh Đ và chị H ly thân cho đến nay cháu Th do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Th cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Th; đối với việc cấp dưỡng cho con chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận; đối với anh Đ không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác: Đối với ông Trương Văn Â xác định tự thỏa thuận không yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ chị H đặt ra khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Trương Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Ngọc H. Cho chị Trương Ngọc H được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ (Huỳnh Văn Đ).

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Anh Th sinh ngày 27/5/2009 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ (Đang) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003473 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ (Đang), ông Â có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đông Hưng B, huyện An Minh, KG;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phượng